

## **Phụ lục D**

### **Phụ lục giữa Nhật Bản và Ca-na-đa về Thương mại xe ô tô**

**(Bản dịch không chính thức của Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương)**

*Bản này là nội dung cam kết TPP - CPTPP tiếp tục tất cả các cam kết TPP ngoại trừ các nội dung tạm hoãn (được đánh dấu chú thích bởi TTWTO-VCCI)*

## **Phụ lục D**

### **Phụ lục giữa Nhật Bản và Ca-na-đa về Thương mại xe ô tô**

#### **Điều 1.**

1. Theo mục đích của Phụ lục này,

**Bên Phụ lục** nghĩa là Nhật Bản hoặc Ca-na-đa, trong từng trường hợp cụ thể.

**Xe ô tô** là bất kỳ hàng hóa nào được phân loại ở nhóm 87.03

**Xe ô tô có xuất xứ** là bất kỳ xe ô tô nào được coi là có xuất xứ theo Chương 3 (Quy tắc xuất xứ và Thủ tục chứng nhận xuất xứ)

2. Không Bên nào ngoại trừ Bên Phụ lục sẽ nhờ đến giải quyết tranh chấp theo Chương 28 (Giải quyết tranh chấp) đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh trong Phụ lục này hoặc giải quyết tranh chấp theo Điều 4 đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh trong Hiệp định. Không Bên Phụ lục nào sẽ nhờ đến việc giải quyết tranh chấp theo Chương 28 (Giải quyết tranh chấp) đối với việc loại bỏ hoặc suy giảm tinh thần của Điều 28.3.1(c) đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo Điều 3 hoặc 4 của Phụ lục này.

#### **Điều 2**

Một Bên Phụ lục phải dành cho Bên Phụ lục còn lại đối xử không thấp hơn đối xử dành cho một Bên không phải Bên Phụ lục về quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp với xe ô tô mà đã được thông qua hoặc áp dụng theo Hiệp định song phương quy định theo Hiệp định này.

#### **Điều 3**

Bên Phụ lục sẽ áp dụng, các biện pháp phòng vệ chuyên tiếp đối với xe ô tô có xuất xứ từ Bên Phụ lục khác được phân loại theo nhóm 87.03 chỉ trong giai đoạn chuyển tiếp, theo quy định của Chương 6 (Phòng vệ thương mại), với một số quy trình thủ tục sửa đổi như sau:

(a) Thay vào định nghĩa về thời gian chuyển tiếp theo quy định tại Điều 6.1 (Định nghĩa), các định nghĩa sau sẽ được áp dụng:

**Giai đoạn chuyển tiếp** là giai đoạn bắt đầu kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực giữa/đối với Nhật Bản và Ca-na-đa và kết thúc là 12 năm sau khi kết thúc giai đoạn xóa bỏ hoàn toàn thuế quan đối với hàng hóa.

(b) Thay vào Điều 6.4.2 (Tiêu chuẩn của Biện pháp phòng vệ chuyển tiếp), các quy định sau sẽ được áp dụng: Không Bên Phụ lục nào sẽ áp dụng biện pháp phòng vệ tạm thời cho giai đoạn trên 3 năm, ngoại trừ việc gia hạn giai đoạn thêm tối đa 2 năm nêu các cơ quan có thẩm quyền của Bên Phụ lục nhập khẩu cho rằng, theo sự phù hợp với thủ tục quy định tại Điều 6.5 (Thủ tục điều tra và Yêu cầu về minh bạch), rằng biện pháp tiếp tục là cần thiết để ngăn chặn hoặc phòng vệ tổn thương trầm trọng và để thúc đẩy điều chỉnh.

(c) Đoạn 4 và 6 của Điều 6.4 (Tiêu chuẩn cho Biện pháp phòng vệ chuyển tiếp) sẽ không áp dụng.

(d) Thay thế đoạn 1 và 2 của Điều 6.7 (Bồi thường), quy định sau sẽ áp dụng:

(i) Một Bên Phụ lục sẽ áp dụng biện pháp phòng vệ chuyển tiếp phải tham vấn với Bên Phụ lục còn lại để thống nhất về bồi thường tự do thương mại phù hợp theo hình thức nhượng bộ có tác động thương mại cơ bản tương đương hoặc tương đương với giá trị của thuế bổ sung kỳ vọng từ kết quả của biện pháp phòng vệ chuyển tiếp. Bên Phụ lục đó phải cung cấp cơ hội để tham vấn không chậm hơn 30 ngày sau khi áp dụng biện pháp phòng vệ chuyển tiếp.

(ii) Nếu tham vấn theo điểm (d)(i) không đạt được thỏa thuận về bồi thường tự do thương mại trong vòng 30 ngày sau khi tham vấn bắt đầu, Bên Phụ lục có hàng hóa thuộc diện biện pháp phòng vệ chuyển tiếp có thể ngừng áp dụng các nhượng bộ cơ bản tương đương đối với Bên Phụ lục đang áp dụng biện pháp phòng vệ chuyển tiếp.

(iii) Quyền ngừng áp dụng theo điểm (d)(ii) sẽ không được thực hiện trong vòng 24 tháng đầu tiên trong thời gian biện pháp phòng vệ chuyển tiếp có hiệu lực, với điều kiện biện pháp phòng vệ chuyển tiếp phù hợp với quy định của Hiệp định.

## **Điều 4**

1. Theo mục đích của Điều này, định nghĩa được nêu tại Điều 28.1 (Định nghĩa) sẽ áp dụng, *với những sửa đổi thích đáng*.<sup>1</sup>

2. Đối với bất kỳ vấn đề nào được mô tả tại Điều 28.3<sup>2</sup> (Phạm vi) mà liên quan đến xe ô tô, Bên Phụ lục có thể bắt đầu thủ tục giải quyết tranh chấp được nêu tại Điều này thay cho thủ tục được quy định tại Điều 28.4 đến Điều 28.20.

3. (a) Một Bên Phụ lục có thể đề nghị Bên Phụ lục còn lại tham vấn bằng văn bản đối với bất kỳ vấn đề nào được mô tả tại khoản 2. Bên Phụ lục sẽ đề nghị tham vấn, thực hiện bằng văn bản nêu lý do, bao gồm xác định về biện pháp thực tế hoặc được đề xuất hoặc bất kỳ vấn đề và thể hiện cơ sở pháp lý của đề nghị. Bên Phụ lục đề nghị sẽ lưu chuyển đề nghị cho tất cả các Bên thông qua các Đầu mối liên lạc được chỉ định theo Điều 27.5 (Đầu mối liên lạc).

(b) Bên Phụ lục nhận được đề nghị tham vấn phải, trừ khi các Bên Phụ lục đồng ý khác, trả lời đề nghị bằng văn bản trong thời gian 7 ngày kể từ ngày nhận được. Bên Phụ lục đó sẽ lưu chuyển trả lời cho tất cả các Bên và tiến hành tham vấn với thiện chí.

(c) Trừ khi các Bên Phụ lục đồng ý khác, họ sẽ tiến hành tham vấn tròn thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tham vấn.

(d) Trừ khi các Bên Phụ lục đồng ý khác, khoản 5 đến khoản 8 Điều 28.5 (Tham vấn) sẽ áp dụng, *với những điều chỉnh thích hợp*<sup>3</sup>, để tham vấn theo khoản này.

4. (a) Bên Phụ lục mà đã đề nghị tham vấn theo khoản 3(a) có thể đề nghị, bằng thông báo bằng văn bản gửi cho Bên Phụ lục còn lại, thiết lập Ban hội thẩm nêu các Bên Phụ lục không giải quyết được vấn đề này trong vòng 30 ngày sau ngày nhận được đề nghị để tham vấn theo khoản 3(a).

---

<sup>1</sup> Theo mục đích của khoản này, dẫn chiếu đến “Điều 28.5.1”, “Điều 28.7” và “Điều 28.7.1” sẽ được coi như đọc “đoạn 3”, “đoạn 4” và “đoạn 4a” theo thứ tự này.

<sup>2</sup> Để chắc chắn hơn, không Bên Phụ lục sẽ nhờ đến giải quyết tranh chấp theo Điều này đối với bất kỳ vấn đề nào mà không phải nhờ đến giải quyết tranh chấp theo Chương 28 (Giải quyết tranh chấp).

<sup>3</sup> Theo mục đích của khoản này, dẫn chiếu đến “khoản 1” trong Điều 28.5.5 sẽ được coi như là đọc “điểm (a)”, và dẫn chiếu đến “Điều này” trong Điều 28.5.6 và 5.7 sẽ được coi như là đọc “khoản này”

(b) Trong cùng thời gian đó, Bên Phụ lục đề nghị sẽ lưu chuyển đề nghị cho tất cả các Bên thông qua đầu mối liên lạc được chỉ định theo Điều 27.5 (Đầu mối liên lạc).

(c) Khoản 3, 4 và 7 Điều 28 (Thiết lập Ban hội thẩm) sẽ áp dụng, *với những điều chỉnh thích hợp*, việc thiết lập Ban hội thẩm. Trừ khi các Bên Phụ lục đồng ý khác, Ban hội thẩm này phải được thiết lập phù hợp theo Điều này và, theo khung thời gian nêu tại khoản 6, Quy tắc về thủ tục.

5. (a) Trừ khi các Bên Phụ lục đồng ý khác không muộn hơn 15 ngày sau ngày nhận được đề nghị thiết lập Ban hội thẩm, điều khoản tham chiếu phải được:

(i) kiểm tra, theo quy định có liên quan của Hiệp định này, các vấn đề nêu tại đề nghị thiết lập Ban hội thẩm theo khoản 4(a); và

(ii) có lý do và nhận định, và bất kỳ khuyến nghị đi kèm với lý do, theo quy định tại Điều 28.17.4 (Báo cáo ban đầu) được áp dụng theo khoản 8.

(b) Nếu, theo, đối với việc thành lập Ban hội thẩm, Bên Phụ lục đề nghị đã yêu cầu các biện pháp loại bỏ hoặc suy giảm lợi ích theo tinh thần của Điều 28.3.1(c) (Phạm vi), điều khoản tham chiếu phải thể hiện rõ.

6. (a) Ban hội thẩm phải bao gồm 3 thành viên.

(b) Trừ khi họ đồng ý khác, các Bên Phụ lục phải áp dụng các thủ tục sau để lựa chọn Ban hội thẩm:

(i) Trong vòng 15 ngày sau ngày nhận được đề nghị thiết lập Ban hội thẩm theo khoản 4(a), Bên Phụ lục đề nghị và Bên Phụ lục phản hồi sẽ chỉ định người tham gia Ban hội thẩm và thông báo cho nhau những chỉ định này.

(ii) Nếu Bên Phụ lục đề nghị không chỉ định được người tham vấn trong thời hạn được nêu tại điểm (b)(i), việc tiến hành giải quyết tranh chấp sẽ bỏ qua vào cuối thời hạn này.

(iii) Nếu Bên Phụ lục phản hồi không chỉ định được người tham vấn trong thời hạn được nêu tại điểm (b)(i), Bên Phụ lục đề nghị sẽ chọn những người tham vấn chưa được chỉ định:

(A) Từ danh sách của Bên Phụ lục phản hồi thiết lập theo Điều 28.11.9;

(B) Nếu Bên Phụ lục phản hồi không thiết lập được danh sách theo Điều 28.11.9, chủ tịch Ban hội thẩm sẽ được thực hiện luân phiên theo Điều 28.11; hoặc

(C) Nếu cơ chế chủ tịch luân phiên không được thiết lập theo Điều 28.11, bằng việc lựa chọn ngẫu nhiên từ 3 người mà không có quốc tịch của Bên Phụ lục đề nghị, được chỉ định bởi Bên Phụ lục đề nghị.

Không muộn hơn 20 ngày sau khi nhận được đề nghị thiết lập Ban hội thẩm theo khoản 4(a).

(iv) Để lựa chọn chủ tịch của Ban hội thẩm:

(A) Các Bên Phụ lục sẽ nỗ lực để nhất trí đối với việc chỉ định chủ tịch của Ban hội thẩm.

(B) Nếu Bên Phụ lục không chỉ định được chủ tịch theo điểm (b)(iv)(A) trong 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị thiết lập Ban hội thẩm theo khoản 4(a), các Bên Phụ lục phải chọn ngẫu nhiên 3 người tham vấn từ cơ chế luân phiên theo Điều 28.11 trong vòng 20 ngày kể từ khi nhận được đề nghị thiết lập Ban hội thẩm. Người tham vấn thứ 3 sẽ giữ vị trí chủ tịch.

(C) Nếu luân phiên không được thiết lập theo Điều 28.11, và điểm (b)(iv)(A) và (B) không thể áp dụng, mỗi Bên Phụ lục sẽ chỉ định tối đa 3 người. Chủ tịch sẽ được lựa chọn ngẫu nhiên từ những người đó đã được đề xuất trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị thiết lập Ban hội thẩm theo điểm 4(a).

(D) Chủ tịch phải không có quốc tịch của Bên Phụ lục nào; và bản kỹ quốc tịch nào của Bên Phụ lục được chỉ định theo Điều 28.21 sẽ được loại trừ trong quá trình lựa chọn theo điểm (b)(iv)

(v) Nếu những người tham vấn được chỉ định theo điểm (b)(iii) hoặc (iv)(B) không thể tiếp tục tham gia Ban hội thẩm, các Bên Phụ lục phải họp trong vòng 5 ngày kể từ khi có thông tin những người tham vấn này không thể

chọn người tham vấn khác từ những thành viên còn lại của danh sách (trong trường hợp điểm (b)(iii), hoặc luân phiên (trong trường hợp điểm (b)(iv)(B)).

(vi) Nếu người tham vấn được chỉ định theo khoản này từ bỏ hoặc không thể tiếp tục tham gia Ban hội thẩm, hoặc trong thời gian bắt đầu tiến hành hoặc trong thời gian Ban hội thẩm họp lại theo khoản 13 hoặc Điều 28.20 (Rà soát tuân thủ) theo khoản 12, 17 hoặc 18, người tham vấn thay thế sẽ được chỉ định trong vòng 12 ngày theo thủ tục lựa chọn được quy định tại điểm (b) về việc chỉ định người tham vấn gốc. Việc thay thế sẽ có hiệu lực, trách nhiệm bằng người tham vấn gốc. Công việc của Ban hội thẩm sẽ bị dừng việc chỉ định người tham vấn thay thế, và tất cả thời gian có liên quan quy định trong Điều này và Quy tắc thủ tục sẽ được gia hạn bằng thời gian mà công việc đã bị dừng lại.

(vii) Khoản 4, 5 và 10 của Điều 28.9 sẽ áp dụng, *với những thay đổi thích hợp*<sup>4</sup>, đối với thủ tục lựa chọn.

7. Tất cả người tham vấn phải đáp ứng quy định tại Điều 28.10.1. Một cá nhân có thể không giữ vị trí người tham vấn để tranh luận việc anh ta hoặc chị ta đã tham gia theo Điều 28.6 (Văn phòng hàng hóa, hòa giải) như được áp dụng theo khoản 8.

8. Trừ khi các Bên Phụ lục đồng ý khác, Điều 28.4 (Lựa chọn diễn đàn), 28.6 (Văn phòng hàng hóa, hòa giải), 28.12 (Chức năng của Ban hội thẩm), 28.15 (Vai trò của chuyên gia), 28.16 (Ngừng hoặc dừng việc tiến hành), 28.17 (Báo cáo ban đầu) và 28.18 (Báo cáo cuối cùng) sẽ áp dụng, *với những thay đổi thích đáng*<sup>5</sup>, cho việc tiến hành Ban hội thẩm theo Điều này, ngoại trừ:

(a) Theo Điều 28.17.3, Ban hội thẩm sẽ thuyết trình báo cáo ban đầu cho các Bên Phụ lục khác trong vòng 100 ngày sau khi người tham vấn cuối cùng được chỉ định.

(b) Theo Điều 28.17.4 (Báo cáo ban đầu), Ban hội thẩm phải đưa ra nhận định về việc không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm, nếu có, có ảnh

---

<sup>4</sup> Theo mục đích của khoản này, dẫn chiếu đến “khoản 2(d)(i)-(iii) và (v)” tại Điều 28.9.4 đến 9.6 sẽ được coi như là đọc “điểm (b)(iv)(A) và (C)”, và dẫn chiếu đến “điều này” tại Điều 28.9.9 sẽ được coi như là đọc “khoản này”

<sup>5</sup> Theo mục đích của khoản này, dẫn chiếu đến “Điều 28.7 (Thiết lập Ban hội thẩm)” theo Điều 28.6.4 sẽ được coi như là đọc “khoản 4”, dẫn chiếu đến “Chương này” theo Điều 28.11.2 và 15.1 sẽ được coi như là đọc “Điều này”

hưởng đến nguyên vật liệu bán, chào bán, mua, vận chuyển, phân phối hoặc sử dụng các xe ô tô có xuất xứ từ Bên Phụ lục đề nghị.

(c) Theo Điều 28.17.7 (Báo cáo ban đầu), mỗi Bên Phụ lục có thể cung cấp nhận xét bằng văn bản cho Ban hội thẩm về báo cáo ban đầu trong vòng 10 ngày kể từ ngày thuyết trình báo cáo này hoặc trong thời gian khác mà các Bên Phụ lục đồng ý; và

(d) Theo Điều 28.18.1, Ban hội thẩm sẽ thuyết trình báo cáo cuối cùng cho các Bên Phụ lục, bao gồm từng ý kiến về vấn đề chưa được nhất trí, trong vòng 20 ngày kể từ khi thuyết trình báo cáo ban đầu. Sau khi thực hiện các bước để bảo mật thông tin và không muộn hơn 15 ngày sau khi có báo cáo cuối cùng, các Bên Phụ lục phải công bố công khai bản chào cuối.

9. Trừ khi các Bên Phụ lục đồng ý khác, khoản 1 và 2 Điều 28.19 sẽ áp dụng, *với những thay đổi thích hợp*,<sup>6</sup> để thực thi báo cáo cuối cùng.

10. (a) Trừ khi các Bên Phụ lục đồng ý khác, trong báo cáo cuối cùng, Ban hội thẩm nhận định rằng:

(i) (A) có biện pháp không nhất quán với nghĩa vụ của một Bên Phụ lục theo Hiệp định;

(B) Một Bên Phụ lục không thực hiện nghĩa vụ theo Hiệp định;

(C) Biện pháp của một Bên Phụ lục gây ra việc triệt tiêu hoặc không phù hợp với tinh thần của Điều 28.3.1(c); và

(ii) Không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm mà Ban hội thẩm đã nhận định rằng tồn tại ảnh hưởng đến nguyên vật liệu bán, chào bán, mua, vận chuyển, phân phối hoặc sử dụng các xe ô tô có xuất xứ từ Bên Phụ lục đề nghị

Bên Phụ lục đề nghị có thể ngừng áp dụng đối với Bên Phụ lục phản hồi đối với lợi ích theo khoản này, khoản 11 và khoản 13 đến 16.

(b) Trừ khi các Bên Phụ lục đồng ý khác, Bên Phụ lục phản hồi sẽ có khoảng thời gian hợp lý để loại bỏ việc không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm nếu nó không thực tế để thực hiện ngay.

---

<sup>6</sup> Theo mục đích của khoản này, dẫn chiếu đến “Chương này” tại Điều 28.18.1 sẽ được coi như là đọc “Điều này”



(c) Trừ khi các Bên Phụ lục đồng ý khác, khoảng thời gian hợp lý sẽ là:

(i) 6 tháng kể từ ngày thuyết trình báo cáo cuối cùng của Ban hội thẩm cho Bên Phụ lục theo Điều 28.18.1 (Báo cáo cuối cùng) áp dụng theo khoản 8;

(ii) Nếu việc loại bỏ sự không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm đòi hỏi thay đổi luật hoặc quy định được ban hành bởi Nội các Nhật Bản hoặc Quốc hội của Ca-na-đa, hoặc cơ quan lập pháp của địa phương, 12 tháng kể từ ngày thuyết trình báo cáo cuối cùng cho Ban hội thẩm.

11. (a) Bên Phụ lục phản hồi phải, nếu được yêu cầu bởi Bên Phụ lục đề nghị, tiến hành đàm phán với Bên Phụ lục đề nghị trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, với mục tiêu đạt được bồi thường thỏa đáng chung, nếu:

(i) Bên Phụ lục phản hồi đã thông báo cho Bên Phụ lục đề nghị rằng họ không có ý định triệt tiêu việc không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm; hoặc

(ii) Sau khi đã hết khoảng thời gian hợp lý nêu tại khoản 10(c), các Bên Phụ lục vẫn không thống nhất được rằng Bên Phụ lục phản hồi đã xóa bỏ việc không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm.

(b) Bên Phụ lục đề nghị có thể dừng lợi ích theo điểm (c) nếu các Bên Phụ lục đã:

(i) không đạt được thỏa thuận về việc bồi thường trong vòng 30 ngày kể từ giai đoạn tìm các bồi thường được bắt đầu theo điểm (a); hoặc

(ii) nhất trí về bồi thường nhưng Bên Phụ lục đề nghị coi Bên Phụ lục phản hồi không theo những điều khoản đã nhất trí.

(c) Bên Phụ lục đề nghị có thể, tại bất kỳ thời điểm nào sau khi điều kiện nêu tại điểm (b) đã đạt được có liên quan đến Bên Phụ lục đề nghị, cung cấp thông báo bằng văn bản cho Bên Phụ lục phản hồi rằng họ không có ý định ngừng lợi ích theo khoản 14 hoặc 15. Thông báo sẽ chỉ ra mức độ lợi ích mà Bên Phụ lục đề nghị đề xuất ngừng. Bên Phụ lục đề nghị có thể ngừng áp dụng đối với Bên Phụ lục phản hồi lợi ích theo khoản 14 hoặc 15 sau ngày nhận được thông báo.

(d) Bồi thường và việc ngừng lợi ích phải là biện pháp tạm thời. Không có biện pháp nào được ưu tiên để áp dụng hoàn toàn thông qua việc xóa bỏ hoàn toàn các không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm. Bồi thường và ngừng lợi ích sẽ chỉ áp dụng đến thời hạn mà Bên Phụ lục phản hồi đã xóa bỏ hoàn toàn không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm, hoặc đã đạt được giải pháp có thể chấp nhận chung.

12. Trừ khi các Bên Phụ lục thỏa thuận khác, nếu trong báo cáo cuối cùng của Ban hội thẩm xác định rằng sự không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm mà Ban hội thẩm đã xác định có tồn tại theo khoản 10 (a) (i) đã không ảnh hưởng đến nguyên vật liệu bán hàng, chào mua bán, vận chuyển, phân phối hoặc sử dụng các xe ô tô có xuất xứ từ các Bên Phụ lục đề nghị, thủ tục quy định tại khoản 3 đến 7 Điều 28.19 (Áp dụng Báo cáo cuối cùng), Điều 28.20 (Không - Thực thi - Bồi thường và Ngừng lợi ích) và Điều 28.21 (Rà soát tuân thủ) sẽ được áp dụng, với những sửa đổi thích hợp.

13. (a) Nếu Bên Phụ lục đề nghị xem xét rằng:

(i) Mức độ lợi ích đề nghị để ngừng theo khoản 15 đã vượt một cách rõ ràng; hoặc

(ii) Đã loại bỏ hoàn toàn việc không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm mà Ban hội thẩm đã xác định rằng tồn tại.

Họ có thể, trong vòng 30 ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của các Bên Phụ lục đề nghị cung cấp thông báo theo khoản 11 (c), yêu cầu Ban hội thẩm triệu tập lại để xem xét vấn đề này. Bên Phụ lục phản hồi sẽ cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản cho Bên Phụ lục đề nghị. Ban hội thẩm phải triệu tập lại ngay sau khi sinh được yêu cầu và phải đưa ra nhận định của mình đối với các Bên Phụ lục trong vòng 90 ngày sau khi gửi yêu cầu.

(b) Nếu Ban hội thẩm sẽ xác định mức độ lợi ích được Bên Phụ lục đề nghị ngừng theo khoản 15 rõ ràng là vượt quá, họ sẽ xác định mức độ lợi ích mà các Bên Phụ lục đề nghị có thể ngừng. Ban hội thẩm phải xác định:

(i) Mức độ ảnh hưởng lợi ích tương đương, như nêu tại Điều 28.20.5; và

(ii) Nếu mức thuế cơ sở tối huệ quốc hiện hành của Bên Phụ lục đề nghị đối với xe ô tô được phân loại thuộc nhóm 87.03 là 0, mức độ lợi ích tương đương với tác dụng của áp dụng bởi các Bên Phụ lục mức thuế cơ sở tối huệ quốc hiện hành được áp dụng đối với xe ô tô được phân loại thuộc nhóm 87.03.

14. Trừ khi Ban Hội thẩm đã xác định rằng Bên Phụ lục phản hồi đã loại bỏ sự không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm, 30 ngày sau khi sau của ngày mà:

(a) Bên Phụ lục đề nghị cung cấp thông báo theo khoản 11(c); hoặc

(b) Nếu Bên Phụ lục phản hồi đề nghị Ban hội thẩm được triệu tập để xem xét vấn đề theo khoản 13(a)(ii), Ban hội thẩm sẽ ban hành nhận định theo khoản 13.

Bên Phụ lục đề nghị có thể nâng mức thuế đối với xe ô tô có xuất xứ từ Bên phụ lục đề nghị phân loại theo nhóm 87.03 đến mức độ không vượt quá mức thuế tối huệ quốc hiện hành đối với xe ô tô, cho thời gian tối đa 100 ngày sau giai đoạn 30 ngày.

15. Trừ khi Ban hội thẩm đã xác định rằng các Bên Phụ lục phản hồi đã loại bỏ sự không phù hợp hoặc triệt tiêu hoặc suy giảm:

(a) Nếu Ban hội thẩm sẽ xác định mức lợi ích theo khoản 13 (b), 30 ngày sau khi ngày mà các Bên Phụ lục đề nghị cung cấp các thông báo theo khoản 11 (c) hoặc Ban hội thẩm ban hành quyết định của mình theo khoản 13, đề nghị Bên Phụ lục có thể,

(i) Tăng mức thuế đối với xe ô tô có xuất xứ từ các Bên Phụ lục phản hồi được phân loại thuộc nhóm 87.03 đến mức được Ban hội thẩm xác định theo đoạn 13 (b) (i); hoặc là

(ii) Nếu mức thuế tối huệ quốc hiện hành của Bên Phụ lục đề nghị đối với xe ô tô theo nhóm 87.03 là 0, ngừng áp dụng đối với Bên Phụ lục phản hồi lợi ích đối với hàng hóa có xuất xứ từ Bên Phụ lục phản hồi.

(A) Tối đa đến mức mà Ban hội thẩm xác định theo khoản 13 (b)(i); và

(B) Tối đa đến mức mà Ban hội thẩm xác định theo khoản 13(b)(ii) trong thời gian 100 ngày sau giai đoạn 30 ngày,

Và

(b) Nếu Bên Phụ lục phản hồi không yêu cầu Ban hội thẩm triệu tập lại để xem xét vấn đề theo khoản 13 (a) (i) hoặc Ban hội thẩm không xác định được mức độ theo đoạn 13 (b), sau thời gian 30 ngày, Bên Phụ lục đề nghị có thể ngừng áp dụng cho Bên Phụ lục đề nghị lợi ích đến mức các Bên Phụ lục đề nghị đề xuất tạm dừng theo đoạn 11 (c),

Với điều kiện rằng mức tăng của thuế quan đối với hàng hóa theo khoản này không vượt quá mức thuế tối huệ quốc hiện hành đối với những hàng hóa đó.

16. Khi Bên Phụ lục đề nghị áp dụng mức thuế đã tăng theo khoản 14, họ không được ngừng áp dụng đối với Bên đề nghị lợi ích theo khoản này.

17. Trừ khi các Bên Phụ lục thỏa thuận khác, Điều 28.21 (Rà soát tuân thủ) sẽ áp dụng, *với những điều chỉnh thích hợp*,<sup>7</sup> để tuân thủ việc rà soát.

18. Nếu báo cáo cuối cùng được thuyết trình sau giai đoạn 10 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, thủ tục theo khoản 3 đến 7, 19 Điều 28.19 (Áp dụng báo cáo cuối cùng), Điều 28.20 (Không-Thực thi-Bồi Thường và Ngừng lợi ích) và 28.21 (Rà soát tuân thủ) sẽ áp dụng, *với những thay đổi thích hợp*, thay thế cho thủ tục quy định tại khoản 10 đến 17.

## **Điều 5<sup>8</sup>**

1. Các Bên Phụ lục thành lập một ủy ban song phương đặc biệt đối với xe ô tô (sau đây gọi là "Ủy ban"), bao gồm các đại diện của các cơ quan có liên quan của mỗi Bên Phụ lục. Ủy ban có trách nhiệm:

(a) Giám sát việc thực hiện các nghĩa vụ của Hiệp định này đối với xe ô tô với;

---

<sup>7</sup> Theo mục đích của khoản này, dẫn chiếu đến "Điều 19 (Không-Thực thi-Bồi Thường và Ngừng lợi ích)" tại Điều 28.20 sẽ được coi như là đọc "khoản 11 và 13 đến 16"

<sup>8</sup> Không Bên Phụ lục nào sẽ nhờ đến giải quyết tranh chấp theo Chương 28 (Giải quyết tranh chấp) hoặc Điều 4 đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo Điều này.

(b) Tham vấn ý kiến để giải quyết các vấn đề ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa các Bên Phụ lục mà một Bên Phụ lục đã nêu đối với việc phát triển và thực thi các biện pháp liên quan đến xe ô tô phụ tùng

(c) tạo điều kiện tăng cường hợp tác đối với các vấn đề đang nổi lên, bao gồm cả việc sản xuất, nhập khẩu, bán hàng và hoạt động của xe ô tô sử dụng nhiên liệu thay thế, và hợp tác giữa các Bên Phụ lục về các vấn đề liên quan đến các thị trường khác;

(d) theo dõi diễn biến thị trường song phương, khu vực và toàn cầu và xu hướng thương mại, đầu tư, sản xuất, bán hàng và phân phối đối với xe ô tô và phụ tùng;

(e) tạo cơ hội cho đầu vào từ những người quan tâm của các Bên Phụ lục về các vấn đề có liên quan đến công việc của Ủy ban, các Bên Phụ lục có thể thoả thuận; và

(f) giải quyết các vấn đề khác, nếu các Bên Phụ lục đồng ý.

2. Ủy ban sẽ họp vào thời điểm đã thoả thuận. Họp sẽ diễn ra tại các địa điểm và thông qua các phương thức theo như các Bên Phụ lục quyết định.